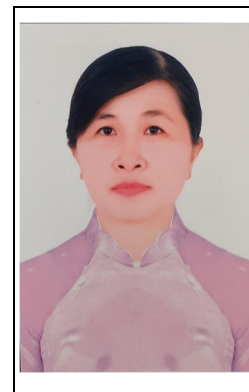


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Chăn nuôi-Thú y-Thủy sản; Chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Bùi Thị Bích Hằng

2. Ngày tháng năm sinh: 09/07/1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Phú Ngãi Trị, Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): N14/13, khu I, Trường ĐHTC, đường 30/4, phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): D2-8, đường số 1, Khu dân cư Nam Long, Phường Hưng Thạnh, Quận Cái răng, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0942335960; E-mail: btbhang@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 3/1998 đến năm 4/2004, là nghiên cứu viên thuộc Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.

Từ năm 4/2004 đến 2018 là giảng viên thuộc Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.

Từ năm 2018 đến nay là giảng viên chính thuộc Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Chức vụ: Hiện nay: Bí thư chi bộ Bệnh học Thủy sản; Phó Trưởng Bộ môn Bệnh học Thủy sản; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ.

Địa chỉ cơ quan: Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ, khu II, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại cơ quan: 2923 830247; Fax: 2923 8303

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 10 năm 1998, ngành: Nuôi trồng thủy sản.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 23 tháng 4 năm 2007, ngành: Công nghệ sinh học.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Mahidol, Vương quốc Thái Lan.

- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 12 năm 2013, ngành: Thủy sản, chuyên ngành: Miễn dịch động vật thủy sản

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Namur, Vương quốc Bỉ.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại Học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi- Thú y- Thủy sản

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ứng viên nghiên cứu tập trung chủ yếu vào 2 hướng chính: (i) Chẩn đoán và phát hiện các tác nhân gây bệnh trên động vật thủy sản (ii) Nghiên cứu các biện pháp tăng cường miễn dịch và giải pháp phòng trị bệnh thích hợp cho động vật thủy sản, giảm thiểu việc sử dụng thuốc, hóa chất trong nuôi thủy sản, nhằm góp phần cung cấp thông tin cho việc hoạch định nghề nuôi thủy sản xuất khẩu theo hướng bền vững và tiếp cận được các quy chuẩn/tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hướng dẫn chính 6 HVCH và hướng dẫn phụ 2 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 2 đề tài NCKH cấp cơ sở và 1 đề tài NCKH cấp Bộ;

- Đã công bố 48 bài báo khoa học, trong đó có 18 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản là 3, trong đó cả 3 sách đều xuất bản bởi nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong quá trình 24 năm công tác tại Trường Đại học Cần Thơ, tôi không ngừng học hỏi, rèn luyện để trở thành một nhà giáo giỏi, tâm huyết với nghề và là một nhà nghiên cứu khoa học vững vàng để góp phần đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 1998, tôi được tuyển dụng làm nghiên cứu viên tại Bộ môn Hải Sản, Khoa Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ với nhiệm vụ thực hiện các nghiên cứu về dinh dưỡng và sinh lý trên một số loài cá, tôm nước ngọt tiêu biểu ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) như cá tra, cá ba sa, cá rô, cá sặc rằn, tôm càng xanh, ... Trong quá trình thực hiện các dự án này, tôi đã tiếp cận và lĩnh hội được nhiều kinh nghiệm thực tế và kiến thức mới. Trong giai đoạn này tôi cũng được tham gia trợ giảng và dạy thực tập các môn học: Dinh dưỡng cho cá, tôm và Sinh lý động vật thủy sinh cho sinh viên đại học ngành nuôi trồng thủy sản tại Cần Thơ cũng như sinh viên ngành nuôi trồng thủy sản của các Trung Tâm Liên Kết với Trường Đại học Cần Thơ (Kiên Giang, Bạc Liêu, Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, Cà Mau và Đồng Tháp). Năm 2004, tôi được tuyển dụng vào ngạch giảng viên Khoa Thủy Sản – Đại học Cần Thơ và được phân công công tác tại Bộ môn Bệnh học Thủy sản, Khoa Thủy sản đến nay. Đến năm 2005, tôi được học bổng học Thạc sĩ về Công nghệ sinh học ở Đại học Mahidol, Thái Lan trong thời gian 2 năm (2005-2007) và hoàn thành chương trình học vào năm 2007. Năm 2009 -2013, Tôi đã học và hoàn thành chương trình đào tạo Tiến sĩ tại Đại học Namur, Bỉ theo hình thức bán thời gian.

Hiện tại, tôi đã có 22 năm thâm niên nghiên cứu, 18 năm thâm niên giảng dạy bậc đại học và 8 năm thâm niên giảng dạy bậc cao học. Tôi đã hướng dẫn và đồng hướng dẫn 8 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn cao học tại Đại học Cần Thơ, đồng hướng dẫn 2 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ tại Đại học Namur, Bỉ. Tôi cũng đã thực hiện 1 đề tài cấp Bộ và 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở đã nghiệm thu. Bên cạnh đó, tôi đã tham gia các dự án hợp tác quốc tế liên quan đến việc phát hiện và ứng dụng một số hợp chất trong phòng trị bệnh cho cá trong nuôi trồng thủy sản (dự án CUD của Bỉ, dự án AquaBioactive của Bỉ, dự án ODA do Nhật tài trợ). Trong quá trình nghiên cứu khoa học, tôi đã công bố 48 bài báo khoa học trong đó có 42 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có uy tín. Với thời gian tham gia công tác đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, tôi tự nhận thấy mình luôn rèn luyện chuyên môn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy được giao, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và sự phát triển của nhà trường. Bên cạnh đó, Tôi luôn luôn rèn luyện về đạo đức và tác phong của một nhà giáo để trở thành tấm gương cho sinh viên/học viên, được sinh viên/học viên yêu mến và tôn trọng về tư cách và chuyên môn.

Nhìn chung, trong suốt quá trình 22 năm công tác tại trường Đại học Cần Thơ, tôi đã được giao nhiều nhiệm vụ khác nhau trong nghiên cứu và đào tạo chuyên môn cho sinh viên, tôi đã luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn của giảng viên. Nhờ sự quan tâm của lãnh đạo nhà Trường, Khoa, Bộ môn và sự hỗ trợ của Thầy Cô đi trước, sự hợp tác của các bạn đồng nghiệp, cũng như của các em sinh viên, học viên và người thân, tôi đã và sẽ tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa sự nghiệp đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn của mình để góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển bền vững các mô hình nuôi thủy sản chủ lực, có tính sản xuất hàng hóa và giá trị xuất khẩu cao như cá tra, tôm sú, thỏ chân trắng, cũng như các loài thủy sản tiềm năng khác.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 2 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017		0	1	1	250	30	280/462/270
2	2017-2018		0	0	5	200	60	260/460/270
3	2018-2019		0	2	6	230	60	290/558/229,5
03 năm học cuối								
4	2019-2020		1	0	6	225	60	285/474/229,5
5	2020-2021		0	2	6	234	30	264/437/229,5
6	2021-2022		1	1	5	245	30	275/470/229,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ; tại nước: Thái Lan năm 2007 và luận án TS ; tại Vương quốc Bỉ năm 2013.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Anh văn

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): bằng C.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Tín Trọng		x		x	2013-2014	ĐH Cần Thơ	11/2015
2	Võ Thị Thúy Hằng		x		x	2014-2015	ĐH Cần Thơ	12/2016
3	Lê Văn Tèo		x	x		2014-2015	ĐH Cần Thơ	11/2017
4	Nguyễn Phương Trang		x	x		2016-2017	ĐH Cần Thơ	11/2017
5	Sothea Mey		x	x		2018-2019	ĐH Cần Thơ	9/2019
6	Quách Thị Thanh Tâm		x	x		2018-2019	ĐH Cần Thơ	12/2019
7	Sujita Balami		x	x		2020-2021	ĐH Cần Thơ	10/2021
8	Võ Trường Giang		x	x		2020-2021	ĐH Cần Thơ	12/2021
9	Trương Quỳnh Như	x				2015-2019	Đại học Namur, Bỉ	12/2019
10	Đặng Quang Hiếu	x				2018-2022	Đại học Namur, Bỉ	6/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Kỹ thuật sản xuất giống và ương cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) cải tiến	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ 2021	3	X	23-32	1936/GXN-ĐHCT
2	Giáo trình Miễn dịch học Thủy sản đại cương	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ 2022	3		47-89	1977/GXN-ĐHCT
3	Giáo trình Thuộc và hóa chất trong Thủy sản	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ 2022	4		10-25	1975/GXN-ĐHCT

Trong đó: 1 sách chuyên khảo do nhà xuất bản Đại học Cần Thơ xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [1] Kỹ thuật sản xuất giống và ương cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) cải tiến.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Ứng dụng phương pháp điện di Allozyme xác định tôm càng xanh và tôm càng lửa, cua sen và cua lửa	CN	T2002-22 Cấp cơ sở	2002	25/10/2005 Xếp loại: Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Tạo DNA tái tổ hợp của gen VP28 để phát triển kháng thể đa dòng trong chẩn đoán bệnh đốm trắng trên tôm sú.	CN	B2009-16-114	2009-2011	14/5/2012 Xếp loại: khá
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Tìm hiểu ảnh hưởng của levamisol lên hệ miễn dịch và khả năng kháng khuẩn của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	CN	T2015-95	2015	28/6/2016 Xếp loại: Tốt
2	Phát triển sản phẩm chứa hoạt tính sinh học thực vật tự nhiên cho nghề nuôi thủy sản thân thiện với môi trường	TK	EUBEL00515NCTS	2015	2020
3	Phát triển vaccine cho cá tra	TK	ASSING00620NCTS	2020	2023

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
Trước khi được công nhận TS								
1	The use of plant protein (soyabean meal) as a replacement of animal protein (fish meal and blood meal) in practical diets for fingerling of <i>Pangasius bocourti</i> .	3			Proceeding of the mid-term workshop of "The Catfish Asia project" Can Tho, Viet Nam, 11-15 May 1998.		179-186	5/1998

2	The effects of Feeding Diets Containing Various Sources of Lipid on the Performance of Freshwater Prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) Broodstock	7			Proceeding of 2001 annual workshop Jircas Mekong Delta project, page	173-182	11/2001
3	The effects of dietary rice bran levels on the growth and maturation of giant freshwater prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>)	4			Proceeding of 2001 annual workshop Jircas Mekong Delta project, page	162-172	11/2001
4	Study on feed and feeding of larvae and Broodstock of giant freshwater prawn <i>Macrobrachium rosenbergii</i> : A review.	7			Proceeding of 2003 annual workshop Jircas Mekong Delta project, page		11/2003
5	Study on Na/K-ATPase activity and rearing of giant freshwater prawn larvae (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) under low salinity	4			Proceeding of 2003 annual workshop Jircas Mekong Delta project, page	255-266	11/2003
6	Na/K-ATPase activity in giant freshwater prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) and larval rearing under low salinity in Mekong Delta region of Viet Nam.	6			Trends in comparative endocrinology. Proceedings of the 5th Asia and Oceania Society for Comparative Endocrinology ISBN: 0913-9036	194-196	3/2004
7	Nghiên cứu hoạt tính men Na/K-ATPase và ương ấu trùng tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ở nồng độ muối thấp	3		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		Số chuyên ngành Thủy sản, 80-90	2004

8	Tim hiểu ảnh hưởng của formalin, BKC và Difterex lên sự lột xác của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	3		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		Số chuyên đề Thủy sản, 96-103	2004
9	Phát triển kháng thể đơn dòng của virus gây bệnh hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan lập biểu mô (IHHNV) của tôm	2	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		Số chuyên đề Thủy sản, quyển 1 171-176	5/2008
10	Tim hiểu sự biến động các yếu tố miễn dịch không đặc hiệu trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) nhiễm <i>Edwardsiella ictaluri</i>	3		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		17a, 20-29	5/2011
11	Phát hiện <i>Monodon Baculovirus</i> nhiễm trên tôm càng xanh giống (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ở Đồng Tháp	3	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		22c, 213-219	7/2012
12	Tạo DNA tái tổ hợp của gen VP 28 của virus gây bệnh đốm trắng (WSSV) trên tôm sú	1	x	Tạp chí KH Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		22a, 1-7	5/2012
13	In vivo effects of <i>Escherichia coli</i> lipopolysaccharide on regulation of immune response and protein expression in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	5	x		Fish & shellfish immunology ISI/SCI Q1 IF: 3,051 ISSN: 1095-9947	37	34(1) 339-347 1/2013

14	Efficiency of different immunostimulants on immune response of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	3	x		Fish and Shellfish Immunology		34 (6), 1654-1655.	6/2013
Sau khi được công nhận TS								
15	Can immunostimulants efficiently replace antibiotic in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) against bacterial infection by <i>Edwardsiella ictaluri</i> ?	3	x		Fish & shellfish immunology ISI/SCI Q1 IF: 2,933 ISSN: 1095-9947	12	40 (2) 556-562	8/2014
16	Oral administration of <i>Escherichia coli</i> lipopolysaccharide enhances the immune system of striped catfish, <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> (Sauvage).	3	x		Aquaculture Research ISI/SCI Q2 IF: 1,282 ISSN: 1365-2109	-	47 (4), 287-296	2014
17	Ảnh hưởng của vitamin C lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng kháng khuẩn của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	5	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333			39B 85-91	8/2015
18	Ảnh hưởng của Levamisole lên đáp ứng miễn dịch và khả năng kháng bệnh của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	4	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333			48B 1-9	2/2017
19	Ảnh hưởng của chiết xuất ổi (<i>Psidium guajava</i>) và diệp hạ châu (<i>Phyllanthus amarus</i>) lên đáp ứng miễn dịch của tế	3		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ			54: 135-142	7/2018

	bào bạch cầu cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)			ISSN: 1859-2333			
20	Ảnh hưởng của inulin và fructooligosaccharide lên tăng trưởng, chỉ tiêu miễn dịch và khả năng kháng bệnh trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		54: 125-134	7/2018
21	Ảnh hưởng của tỏi (<i>Allium sativum</i>) lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng kháng khuẩn của cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>)	2	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		54 168-176.	7/2018
22	Screening of immunomodulatory potential of different herbal plant extracts using striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) leukocyte-based in vitro tests.	10			Fish & shellfish immunology ISI/SCI Q1 IF: 3,37 ISSN: 1095-9947	93 296-307	7/2019
23	Plant extract-based diets differently modulate immune responses and resistance to bacterial infection in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	8			Fish & shellfish immunology ISI/SCI Q1 IF: 3,37 ISSN: 1095-9947	92 913-924	7/2019
24	Ảnh hưởng của thức ăn có bổ sung chitosan lên một số chỉ tiêu miễn dịch không đặc hiệu ở cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	2	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		55 (5B) 33-41	10/2019
25	Screening and comparative study of in vitro antioxidant and	12			International Journal of Food-Properties	23(1): 481-496	3/2020

	antimicrobial activities of ethanolic extracts of selected Vietnamese plants.				ISI/SCI Q2 IF: 1,44 (năm 2019) ISSN: 1094-2912(Print)			
26	Single or combined dietary supply of <i>Psidium guajava</i> and <i>Phyllanthus amarus</i> extracts differentially modulate immune responses and liver proteome in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	11			Frontier in Immunology ISI/SCI Q1 IF: 4,716 Electronic ISSN: 1664-3224		11: 1-22.	5/2020
27	Immunomodulatory potential of extracts, fractions and pure compounds from <i>Phyllanthus amarus</i> and <i>Psidium guajava</i> on striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) head kidney leukocytes	9			Fish & shellfish immunology ISI/SCI Q1 IF: 3,37 ISSN: 1095-9947		104: 289-303	6/2020
28	Ảnh hưởng của chất chiết lựu (<i>Punica granatum</i>) lên tăng trưởng và đáp ứng miễn dịch của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	2	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333			56 (1) 161-169	2/2020
29	Ảnh hưởng của nhíp bổ sung inulin lên đáp ứng miễn dịch cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	2	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333			56 (2B) 100-109	4/2020
30	Sử dụng thức ăn bổ sung điệp hạ châu (<i>Phyllanthus urinaria</i>) phòng bệnh gan thận mũ	2	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần			56 (1) 149-160	2/2020

	trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)			Thơ ISSN: 1859-2333				
31	Khảo sát hoạt tính kháng nấm của một số chất chiết thảo dược lên vi nấm gây bệnh trên cá lóc	3		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		56 (1) 129-136	2/2020	
32	Ảnh hưởng của chất chiết lựu và riêng lên một số chỉ tiêu miễn dịch cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>)	4		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		56 (1) 121-128	2/2020	
33	Hoạt tính kháng khuẩn của một số chất chiết thảo dược kháng <i>Vibrio parahaemolyticus</i> và <i>Vibrio harveyi</i> gây bệnh ở tôm biển	5		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		56 (1) 170-178	2/2020	
34	Ảnh hưởng của chất chiết từ lá cây hoàn ngọc (<i>Pseuderanthemum palatiferum</i> (Wall.) Radlk) lên tăng trưởng và đáp ứng miễn dịch cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	2	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		56:101-111	6/2020	
35	Effects of <i>Phyllanthus amarus</i> and <i>Euphorbia hirta</i> dip treatments on the protection of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) filets	12			Journal of Aquatic Food Product Technology ISI/SCI Q3 IF: 1,75 ISSN: 10498850,	30 (10) :1218-1234	10/2021	

	against spoilage during ice storage				15470636			
36	Salinity affects growth performance, physiology, immune responses and temperature resistance in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) during its early life stages	7	x		Fish Physiology and Biochemistry ISI/SCI Q2 IF: 2,794 ISSN: 09201742, 15735168		47(6):1995-2013	10/2021
37	Effects of size and nitrite exposure on respiration, oxygen partitioning, and growth of obligate air-breathing fish <i>Channa striata</i>	7	x		Fisheries Science ISI/SCI Q3 IF: 1,8 ISSN: 09199268, 14442906		88:149-159	10/2021
38	Nghiên cứu quy trình chiết xuất nhóm phenolic và đánh giá sơ bộ khả năng kháng oxy hóa in-vitro của cây mắm ôi (<i>Avicennia marina</i> L.)	5		Tạp chí y dược học Cần Thơ ISSN: 2354-1210			34:187-192	2/2021
39	Ảnh hưởng của β -glucan lên đáp ứng miễn dịch và khả năng kháng bệnh do <i>Streptococcus agalactiae</i> trên cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>)	1	x	Tạp chí Khoa Học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-1558			10 (131):113-118	10/2021

40	Ảnh hưởng chu kỳ bổ sung chất chiết lá cách (<i>Premna serratifolia</i> L.) lên đáp ứng miễn dịch và khả năng kháng bệnh của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	2	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		57:169-180	6/2021
41	Đánh giá hiệu quả hiệu quả miễn dịch của vaccine phòng bệnh xuất huyết do vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> trên cá tra <i>Pangasianodon hypophthalmus</i>	7		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333		57(3B):181-190	6/2021
42	Effect of <i>Lactobacillus plantarum</i> on growth performance, immune responses, and disease resistance of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	3	x		AACL Bioflux ISI/SCI Q3 IF: 0,84 ISSN: 1844-9166	15(1):174-187	2/2022
43	Dietary supplementation of <i>Premna serratifolia</i> and <i>Punica granatum</i> enhance innate immune response and disease resistance in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) against <i>Edwardsiella ictaluri</i>	5	x		AACL Bioflux ISI/SCI Q3 IF: 0,84 ISSN: 1844-9166	15(2):758-773	4/2022
44	Immune status of	2	x		Asian Fisheries	35: 100-107	4/2022

	bighead catfish (<i>Clarias macrocephalus</i> günther, 1864) crossbreeds between wild and domesticated strains and their response to challenge with <i>Aeromonas hydrophila</i>			Science ISI/SCI Q3 IF: 1,068 ISSN: 01166514, 20733720		
45	The use of drugs, chemicals, herbs, and herbal extract products in grow-out farms of snakehead (<i>Channa striata</i>) and pangasius catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) in the Mekong Delta, Vietnam	11	Vietnam Journal of Agricultural Sciences ISSN: 2588- 1299		5(1): 1336- 1344	2/2022
46	Salinity significantly affects intestinal microbiota and gene expression in striped catfish juveniles	13		Applied Microbiology and Biotechnology ISI/SCI Q1 IF: 5,46 ISSN: 01757598, 14320614	106:3245- 3264	4/2022
47	A High-quality genome assembly of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) based on highly accurate long-read hifi sequencing data	12		Genes ISI/SCI Q2 IF: 3,96 ISSN: 20734425	13:923-935	5/2022
48	Ảnh hưởng của việc bổ sung fructooligosaccharides và vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i>	5	x Tập chí Khoa học Nông nghiệp Việt		20(2): 201- 212	2/2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

vào thức ăn lên đáp ứng miễn dịch và khả năng kháng bệnh của cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>)			Nam				
			ISSN: 1859-1558				

- Trong đó: 7 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS, bao gồm bài số 15, 16, 36, 37, 42, 43 và 44

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

	dụng KHCN					
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 27 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Thị Bích Hằng